

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT,
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 105 /2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phan Thiết, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, 150, 370, 371 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Bình N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: I, đường T, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

- Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Y, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Bình N và bà Nguyễn Thị Bích T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường X, thành Phố L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2016 ngày 04/02/2016. Nay ông N, bà T xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Bình N và bà Nguyễn Thị Bích T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông, bà xác nhận có 01 (một) người con chung tên Trần Nguyễn Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2016. Sau ly hôn, giao cháu Bảo K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Bình N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ngày 28/4/2025, ông N, bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003225 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông N, bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án TP Phan Thiết;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Trí